

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 170/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
và kế hoạch đầu tư công năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 1617/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Lâm Đồng (các nguồn vốn đầu tư chưa phân bổ); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020

1. Điều chỉnh 45 dự án thuộc danh mục dự án chuẩn bị đầu tư thành dự án khởi công mới trong năm 2020.

2. Bổ sung vốn đầu tư công, nguồn ngân sách địa phương cho 47 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 với tổng số tiền 346.789 triệu đồng; cụ thể:

a) Bổ sung vốn từ nguồn ngân sách tập trung với số tiền 17.607 triệu đồng cho 03 dự án; gồm:

- 01 dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2020: 6.000 triệu đồng;

- 02 dự án khởi công mới: 11.607 triệu đồng.

b) Bổ sung vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất với số tiền 151.624 triệu đồng cho 08 dự án khởi công mới trong năm 2020.

c) Bổ sung vốn từ nguồn thu hoạt động xổ số kiến thiết với số tiền 177.558 triệu đồng cho 36 dự án; gồm:

- Vốn đối ứng thực hiện 01 dự án đầu tư vốn ODA: 9.000 triệu đồng;

- 35 dự án khởi công mới trong năm 2020: 168.558 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

3. Bổ sung Dự án mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 với tổng mức đầu tư: 65.477 triệu đồng; kế hoạch vốn bố trí: 65.477 triệu đồng.

4. Điều chỉnh tổng mức đầu tư của Dự án mua sắm thiết bị Khoa chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng từ 27.000 triệu đồng lên 32.730 triệu đồng (tăng 5.730 triệu đồng) và điều chỉnh kế hoạch vốn bố trí cho dự án từ 24.300 triệu đồng lên 32.730 triệu đồng (tăng 8.430 triệu đồng).

5. Bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn vốn đầu tư công năm 2020 số tiền 74.007 triệu đồng (nguồn tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết năm 2019) để bố trí, bổ sung vốn cho 02 dự án khởi công mới và hoàn thành trong năm 2020, gồm:

a) Bố trí vốn cho Dự án mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: 65.477 triệu đồng;

b) Bổ sung vốn cho Dự án mua sắm thiết bị Khoa chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng: 8.530 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Trần Đức Quận

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Kế hoạch vốn đã bố trí		Bổ sung kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch vốn năm 2020 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó vốn ngân sách tỉnh			Giai đoạn 2016 - 2019	Năm 2020				
				100%	Sau khi thực hiện tiết kiệm 10%							
A	B	I	2	3	4=3*90%	5	6	7	8	9=6+7+8	10=7+8	C
	TỔNG CỘNG		3,536,253	1,636,980	1,527,175	71,600	37,000	33,600	346,789	417,389	380,389	
A	NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		158,590	109,702	98,800	39,000	37,000	2,000	17,607	56,607	19,607	
I	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2020		96,590	47,702	43,000	37,000	37,000		6,000	43,000	6,000	
	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Lâm Đồng	Đà Lạt	96,590	47,702	43,000	37,000	37,000		6,000	43,000	6,000	NSTW đã bố trí 48,888 triệu đồng
II	Dự án khởi công mới		62,000	62,000	55,800	2,000		2,000	11,607	13,607	13,607	Điều chỉnh từ danh mục dự án chuẩn bị đầu tư

1	Đường giao thông xã B'Lá đi xã Lộc Quảng, huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	32,000	32,000	28,800	1,000		1,000	6,000	7,000	7,000	
2	Đường nội thị thị trấn Phước Cát, huyện Cát Tiên	Cát Tiên	30,000	30,000	27,000	1,000		1,000	5,607	6,607	6,607	
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT		1,112,233	310,233	279,910	10,800		10,800	151,624	162,424	162,424	
	Dự án khởi công mới		1,112,233	310,233	279,910	10,800		10,800	151,624	162,424	162,424	Điều chỉnh từ danh mục dự án chuẩn bị đầu tư
1	Xây dựng đường vành đai thành phố Đà Lạt và cơ sở hạ tầng các khu dân cư	Đà Lạt	800,000			5,000		5,000	95,000	100,000	100,000	
2	Nâng cấp, mở rộng đường 19/5, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương	Lạc Dương	99,000	99,000	89,100	1,000		1,000	17,000	18,000	18,000	
3	Đường giao thông vào khu dân cư Liêng Trang 1, 2 và đường từ ĐT.722 vào khu sản xuất Pó Păng, xã Đạ Tông, huyện Đam Rông	Đam Rông	40,000	38,000	34,200	1,000		1,000	7,250	8,250	8,250	
4	Xây dựng các tuyến đô thị: đường từ đường Lê Lai đến đường Phan Chu Trinh, phường Lộc Tiến; hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc	Bảo Lộc	43,000	43,000	38,700	1,000		1,000	8,000	9,000	9,000	
5	Xây dựng tuyến đường từ đường Nguyễn Tri Phương đến đường Nguyễn An Ninh và đường Phùng Hưng, thành phố Bảo Lộc	Bảo Lộc	49,800	49,800	44,820	1,000		1,000	8,000	9,000	9,000	
6	Xây dựng đường từ Quốc lộ 20 vào trung tâm xã Đạ P'Loa (giai đoạn 2), huyện Đạ Huoai	Đạ Huoai	49,733	49,733	44,760	1,000		1,000	8,500	9,500	9,500	
7	Nâng cấp đường Phù Mỹ đi Mỹ Lâm (đường ĐH.97), huyện Cát Tiên	Cát Tiên	23,700	23,700	21,330	500		500	5,000	5,500	5,500	
8	Nâng cấp, mở rộng hệ thống thoát nước tổ dân phố 2 vào bãi rác thị trấn Phước Cát,	Cát Tiên	7,000	7,000	7,000	300		300	2,874	3,174	3,174	

	huyện Cát Tiên											
C	NGUỒN THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT		2,265,430	1,217,045	1,148,465	21,800		20,800	177,558	198,358	198,358	
I	Đổi ứng thực hiện các dự án đầu tư vốn ODA		1,428,430	386,645	386,645	1,000			9,000	9,000	9,000	
	Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát triển nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng (giai đoạn 1)	Các huyện	1,428,430	386,645	386,645	1,000			9,000	9,000	9,000	
II	Dự án khởi công mới		837,000	830,400	761,820	20,800		20,800	168,558	189,358	189,358	Điều chỉnh từ danh mục dự án chuẩn bị đầu tư
1	Cải tạo, mở rộng trụ sở Công an phường 9 làm trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát PCCC-CHCN và trang bị doanh cụ, tài sản trụ sở làm việc khối Cảnh sát	Đà Lạt	16,000	16,000	14,400	500		500	3,000	3,500	3,500	
2	Xây dựng điểm trường Lán Tranh thuộc Trường Tiểu học Đưng K'nớ, huyện Lạc Dương	Lạc Dương	12,000	12,000	12,000	500		500	3,000	3,500	3,500	
3	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Sân vận động huyện Lạc Dương	Lạc Dương	14,950	14,950	14,950	500		500	4,000	4,500	4,500	
4	Xây dựng hoàn chỉnh 02 trường mầm non đạt chuẩn: Ka Đô, Hoàng Oanh, huyện Đơn Dương	Đơn Dương	29,800	29,800	26,820	500		500	5,500	6,000	6,000	
5	Xây dựng hoàn chỉnh 02 trường tiểu học đạt chuẩn: Ka Đơn 2, P'ró, huyện Đơn Dương	Đơn Dương	29,000	29,000	26,100	500		500	5,000	5,500	5,500	
6	Xây dựng Trường Tiểu học Lạc Xuân và Trường Tiểu học Suối Thông, huyện Đơn Dương	Đơn Dương	24,000	24,000	21,600	500		500	4,500	5,000	5,000	
7	Đầu tư một số hạng mục cho 03 trường	Đức Trọng	22,000	22,000	19,800	500		500	4,500	5,000	5,000	

	THPT đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Đức Trọng											
8	Xây dựng 03 trường THCS đạt chuẩn quốc gia: Nguyễn Trãi, Đà Loan, Tà Năng, huyện Đức Trọng	Đức Trọng	35,600	29,000	26,100	1,000		1,000	5,000	6,000	6,000	
9	Xây dựng 02 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia: Bình Thạnh, Kim Đồng, huyện Đức Trọng	Đức Trọng	44,400	44,400	39,960	1,000		1,000	8,000	9,000	9,000	
10	Nâng cấp, cải tạo Doanh trại Trung đoàn 994 (giai đoạn 1), huyện Đức Trọng	Đức Trọng	27,000	27,000	24,300	500		500	5,000	5,500	5,500	
11	Xây dựng hồ thôn 1B, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà	Lâm Hà	7,000	7,000	7,000	500		500	3,000	3,500	3,500	
12	Xây dựng Trường THCS Lê Văn Tám, Trường TH Tân Văn 1, huyện Lâm Hà	Lâm Hà	24,500	24,500	22,050	500		500	5,500	6,000	6,000	
13	Xây dựng Trường TH Nam Ban 1, Trường THCS Tân Thanh, Trường Mầm non 2, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà	Lâm Hà	29,800	29,800	26,820	500		500	6,500	7,000	7,000	
14	Đầu tư một số hạng mục cho 03 trường THPT đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Lâm Hà và huyện Đam Rông	Lâm Hà, Đam Rông	16,000	16,000	14,400	500		500	3,000	3,500	3,500	
15	Đầu tư 06 trường đạt chuẩn quốc gia tại 03 xã: Liêng S'Rôn, Rômen, Đạ R'sal, huyện Đam Rông	Đam Rông	21,500	21,500	19,350	500		500	5,500	6,000	6,000	
16	Đầu tư 03 trường đạt chuẩn quốc gia tại 03 xã: Đạ Long, Đạ Tông, Đạ M'Rông, huyện Đam Rông	Đam Rông	13,000	13,000	13,000	500		500	3,500	4,000	4,000	
17	Xây dựng Trường Mầm non Hòa Nam, huyện Di Linh	Di Linh	8,000	8,000	8,000	500		500	3,500	4,000	4,000	
18	Xây dựng Trường TH Đình Trang Hòa 1; Trường TH và THCS Đình Trang Thượng, huyện Di Linh	Di Linh	29,400	29,400	26,460	1,000		1,000	6,500	7,500	7,500	

19	Xây dựng Trường TH Hòa Bắc, Trường THCS Hòa Bắc, huyện Di Linh	Di Linh	22,900	22,900	20,610	1,000		1,000	4,500	5,500	5,500	
20	Cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung sử dụng nước hồ Đa So 2 để cấp nước cho dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đinh Trang Thượng, huyện Di Linh	Di Linh	12,000	12,000	12,000	500		500	3,558	4,058	4,058	
21	Xây dựng 03 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia: Nguyễn Khuyến, Lê Quý Đôn, Lộc Ngãi C, huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	44,500	44,500	40,050	500		500	7,000	7,500	7,500	
22	Xây dựng 02 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: Lộc Đức, Sao Mai, huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	25,000	25,000	22,500	500		500	4,500	5,000	5,000	
23	Đầu tư 02 trường TH và THCS đạt chuẩn quốc gia: Bế Văn Đàn, Lương Thế Vinh, huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	29,000	29,000	26,100	500		500	5,000	5,500	5,500	
24	Xây dựng trường trên địa bàn xã Lộc Ngãi đạt chuẩn quốc gia: Tiểu học Lộc Ngãi B, THCS Lộc Ngãi B, huyện Bảo Lâm	Bảo Lâm	29,800	29,800	26,820	500		500	5,000	5,500	5,500	
25	Đầu tư 02 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: Đam B'ri, Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc	Bảo Lộc	19,500	19,500	17,550	500		500	3,500	4,000	4,000	
26	Đầu tư 05 trường TH và THCS đạt chuẩn quốc gia: Lý Thường Kiệt, Phan Bội Châu; Hai Bà Trưng; Lộc Thanh, Nguyễn Khuyến, thành phố Bảo Lộc	Bảo Lộc	72,000	72,000	64,800	1,000		1,000	12,000	13,000	13,000	
27	Xây dựng thay thế một số phòng học, phòng chức năng xuống cấp và bổ sung một số phòng học, phòng chức năng, phòng đa năng còn thiếu cho các trường tiểu học và mầm non trên địa bàn huyện Đạ Huoai	Đạ Huoai	12,500	12,500	12,500	500		500	3,500	4,000	4,000	
28	Xây dựng bổ sung một số phòng học, phòng chức năng, phòng đa năng cho 02 trường THCS để đạt trường chuẩn quốc gia	Đạ Huoai	8,500	8,500	8,500	400		400	3,000	3,400	3,400	

	trên địa bàn huyện Đạ Huoai											
29	Đầu tư hạ tầng nông nghiệp cho vùng sản xuất lúa nếp quýt Đạ Tẻh	Đạ Tẻh	14,800	14,800	14,800	500		500	4,000	4,500	4,500	
30	Đầu tư các phòng bộ môn, chức năng 05 trường trên địa bàn huyện Đạ Tẻh đạt chuẩn quốc gia: THCS Quốc Oai, THCS Xuân Thành, Mầm non Hoa Mai, Mầm non Hoa Hồng, Mầm non Vành Khuyên, huyện Đạ Tẻh	Đạ Tẻh	14,900	14,900	14,900	500		500	4,000	4,500	4,500	
31	Đầu tư hoàn chỉnh 04 trường TH và THCS đạt chuẩn quốc gia: Nguyễn Du, Mỹ Đức, Võ Thị Sáu, Nguyễn Trãi, huyện Đạ Tẻh	Đạ Tẻh	46,000	46,000	41,400	1,000		1,000	7,000	8,000	8,000	
32	Xây dựng Trường THCS Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh	Đạ Tẻh	12,000	12,000	12,000	400		400	3,500	3,900	3,900	
33	Sửa chữa, nâng cấp các trường học trên địa bàn huyện Cát Tiên	Cát Tiên	14,950	14,950	14,950	500		500	4,000	4,500	4,500	
34	Đầu tư một số hạng mục cho 04 trường THPT đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm và huyện Cát Tiên	Bảo Lâm, Bảo Lộc, Cát Tiên	25,200	25,200	22,680	500		500	5,000	5,500	5,500	
35	Xây dựng cơ sở làm việc cho lực lượng Công an xã (giai đoạn 1)	Các huyện	29,500	29,500	26,550	1,000		1,000	5,000	6,000	6,000	